| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH CHÁNH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **617**/2024/QĐST-HNGĐ | *Bình Chánh, ngày 16 tháng 7 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 471/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông **T N T P** , sinh năm 1993.

Địa chỉ: 225 ấp L T xã LT, CĐ, LA;

Bị đơn: Bà **N T T D** , sinh năm: 1994.

Địa chỉ: xã BC, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2024.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông T N T P và bà N T T D .

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ vợ chồng: Ông T N T P và bà N T T D đồng ý ly hôn với nhau. Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2014 của Ủy ban nhân dân xã L T, huyện C Đ, tỉnh L A cấp vào ngày 27/6/2014 không còn giá trị pháp lý.

2.2 Về con chung: Ông T N T P và bà N T T D xác nhận có 01 con chung tên T H P (Nam), sinh ngày: 13/8/2014. Hiện trẻ P đang sống cùng với bà D. Ông P và bà D cùng thống nhất giao trẻ T H P (Nam), sinh ngày: 13/8/2014 cho bà D nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Ông P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho trẻ T H P (Nam), sinh ngày: 13/8/2014 mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng) cho đến khi trẻ P trưởng thành.

Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/8/2024.

Trường hợp ông P không thực hiện việc cấp dưỡng theo quyết định thì bà D có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P chậm thực hiện việc cấp

dưỡng nuôi con thì ông Phát phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo điều 357 Bộ luật dân sự 2015

Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông T N T P có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về tài sản chung: Ông T N T P và bà N T T D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Ông T N T P và bà N T T D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về án phí: Ông T N T P tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Phát đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0033937 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông T N T P đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự.
- VKSND H. Bình Chánh.
- Chi cục THADS H. Bình Chánh.
- Cơ quan đăng ký kết hôn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

2 000014 029200

**THẨM PHÁN**

**(đã ký và đóng dấu)**

**Đặng Thị Vân Hương**